

CÔNG TY CỔ PHẦN SÂM FARM HILL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÂM FARM HILL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FARM HILL GINSENG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FARM HILL GINSENG., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109550202

3. Ngày thành lập: 12/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 39 đường Nguyễn Quốc Trị, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02435577777

Fax:

Email: myhanhgroup@gmail.com

Website: www.myhanhgroup.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
2.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ dưỡng	4632
3.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
4.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng)	4662
5.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
6.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ: Đấu giá hàng hoá)	4610
9.	Sản xuất giày, dép	1520

10.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: + Đĩa cao su, tấm, mảnh, thanh cao su, + Ống, vòi cao su, + Sản xuất băng tải, băng truyền bằng cao su, + Đồ dùng vệ sinh bằng cao su: dụng cụ tránh thai cao su, chai chườm nước nóng, + Quần áo bằng cao su (nếu quần áo được sản xuất bằng cách gắn dán, chứ không phải khâu), + Tấm phủ sàn bằng cao su.	2219
11.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
12.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ: Hoạt động đấu giá tài sản)	4791
13.	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Trạm biến áp	4221
14.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
15.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn	4633
16.	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
17.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị cứu nạn, cứu hộ; - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy.	4659
19.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
20.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
21.	Lập trình máy vi tính	6201
22.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
23.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê trang web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng.	6311
24.	Cổng thông tin	6312
25.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)

26.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản	6820
27.	Quảng cáo	7310
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
30.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
31.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gồm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; - Sách, tạp chí; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình.	7729
32.	Đại lý du lịch	7911
33.	Điều hành tua du lịch	7912
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
37.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
38.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
39.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;	2393
40.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
41.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
42.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng...	2399
43.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
44.	Phá dỡ	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
49.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
50.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
51.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040

52.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
53.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
54.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
55.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
56.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
57.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
58.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
59.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
60.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, bảo vệ, chuyển phát);	8211
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải đường hàng không)	5229
62.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không thực hiện hoạt động kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê)	5210
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
68.	Bốc xếp hàng hóa Loại trừ: Dịch vụ cung cấp tại các sân bay	5224
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
70.	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị trong ngành truyền hình - Đầu tư sản xuất thiết bị Viễn thông, Internet - Sản xuất trong lĩnh vực Viễn thông	2630
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
73.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
74.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, hệ thống trung tâm dữ liệu, các thiết bị trong ngành truyền hình; - Ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông	7490
75.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng mạng viễn thông	7120
76.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620

77.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng hạ tầng viễn thông, các hệ thống trung tâm dữ liệu (Data Center) - Xây lắp công trình viễn thông	4299
78.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu công nghệ thông tin	7212
79.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý kinh doanh dịch vụ ứng dụng trên mạng Internet và viễn thông - Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực viễn thông - Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng - Dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động - Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ).	6190

6. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

Sáu mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Tổ 58, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	50,000	201822006	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000.000	30.000.000.000	50,000		
				00				

Thời gian đăng từ ngày 12/03/2021 đến ngày 11/04/2021

2	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Số 4 Ngách 139/18 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.860.000	18.600.000.000	31,000	034081003934
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.860.000	18.600.000.000	31,000	
3	PHẠM MỸ HẠNH	Khu Đoàn Kết, Thị trấn Ba Hàng Đồi, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.140.000	11.400.000.000	19,000	001180023456
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.140.000	11.400.000.000	19,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034081003934

Ngày cấp: 04/04/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4 Ngách 139/18 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 4 Ngách 139/18 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội